

**BỘ Y TẾ
CỤC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
VÀ ĐÀO TẠO**

Kính chuyển: Viện ĐTN&SKTE

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 42 /TB-K2ĐT

Hà Nội, ngày 07 tháng 3 năm 2025

THÔNG BÁO

Thực hiện Quyết định số 772/QĐ-BYT ngày 05/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt danh mục đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ để tuyển chọn thực hiện từ năm 2026 thuộc Chương trình “Ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến trong nghiên cứu, phát triển dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền, sản phẩm chăm sóc sức khỏe từ dược liệu nhằm phục vụ phát triển công nghiệp dược giai đoạn đến năm 2030”

Thực hiện Quyết định số 772/QĐ-BYT ngày 05/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt Danh mục danh mục đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ để tuyển chọn thực hiện từ năm 2026 thuộc Chương trình “Ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến trong nghiên cứu, phát triển dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền, sản phẩm chăm sóc sức khỏe từ dược liệu nhằm phục vụ phát triển công nghiệp dược giai đoạn đến năm 2030”, Bộ Y tế (Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo) thông báo như sau:

1. Danh sách 07 (Bảy) nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ Y tế đặt hàng tuyển chọn bắt đầu thực hiện từ năm 2026 thuộc Chương trình “Ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến trong nghiên cứu, phát triển dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền, sản phẩm chăm sóc sức khỏe từ dược liệu nhằm phục vụ phát triển công nghiệp dược giai đoạn đến năm 2030” tại Quyết định và danh mục đính kèm theo.

2. Phương thức thực hiện: Phương thức Tuyển chọn tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo hướng dẫn tại Thông tư số 24/2023/TT-BYT ngày 18/12/2023 của Bộ Y tế quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc trách nhiệm của Bộ Y tế.

3. Hồ sơ nhiệm vụ được chuẩn bị theo mẫu thống nhất do Bộ Khoa học và công nghệ ban hành kèm theo Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN, trong đó:

- Điều kiện tham gia tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN ngày 12/10/2023 của Bộ KH&CN.

- Danh mục hồ sơ theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN ngày 12/10/2023 của Bộ KH&CN.

- Thuyết minh đề tài lập theo biểu mẫu số B1-2a-TMĐTCN tại Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN ngày 12/10/2023 của Bộ KH&CN.

(Chi tiết xem tại Cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế: <http://moh.gov.vn> và trang thông tin Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo: <http://asttmoh.vn>).

4. Nơi nhận hồ sơ: Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo (số 138A, Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội).

ĐẾN	Số	506
	Ngày	10-3-2025

1/5 P. MICH

10-03-2025

Kg.
Viện ĐTN&SKTE

ĐM

5. Thời hạn nộp hồ sơ: Trước 17h00 ngày 07/4/2025 (Ngày nhận hồ sơ được tính là ngày ghi của dấu bưu điện với trường hợp gửi qua bưu điện hoặc dấu đến của văn thư Cục với trường hợp gửi trực tiếp tại bộ phận văn thư của Cục)

Trong quá trình xây dựng hồ sơ, nếu có vướng mắc xin liên hệ với Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo (số điện thoại: 0912181386).

Trân trọng thông báo đến đơn vị biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Các đơn vị có gửi đề xuất;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ;
- Thủ trưởng Nguyễn Tri Thức (để b/cáo);
- Cổng thông tin điện tử Bộ Y tế (để t/báo);
- Trang thông tin điện tử Cục (để t/báo);
- Lưu: VT, KHCN.

CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Ngô Quang

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 772 /QĐ-BYT

Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh mục đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ để tuyển chọn thực hiện từ năm 2026 thuộc Chương trình “Ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến trong nghiên cứu, phát triển dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền, sản phẩm chăm sóc sức khỏe từ dược liệu nhằm phục vụ phát triển công nghiệp dược giai đoạn đến năm 2030”

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 24/2023/TT-BYT ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc trách nhiệm của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 3548/QĐ-BYT ngày 25 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt các Chương trình Khoa học và Công nghệ cấp Bộ Y tế giai đoạn đến 2030;

Xét kết quả làm việc và kiến nghị của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ được thành lập tại Quyết định số 210/QĐ-BYT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế đối với Chương trình “Ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến trong nghiên cứu, phát triển dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền, sản phẩm chăm sóc sức khỏe từ dược liệu nhằm phục vụ phát triển công nghiệp dược giai đoạn đến năm 2030”, họp ngày 11 tháng 02 năm 2025;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục đặt hàng 07 (Bảy) nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ Y tế thuộc Chương trình “Ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến trong nghiên cứu, phát triển dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền, sản phẩm chăm sóc sức khỏe từ dược liệu nhằm phục vụ phát triển công nghiệp dược giai đoạn đến năm 2030” để tuyển chọn thực hiện từ năm 2026 trong 05 Chương trình Khoa học và công nghệ cấp Bộ Y tế giai đoạn đến năm 2030 tại phụ lục đính kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Giao Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức quy trình tuyển chọn các đề tài khoa học và công nghệ nêu tại Điều 1 theo quy định hiện hành để tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện. Báo cáo Lãnh đạo Bộ về kết quả thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành.

Điều 4. Các Ông/Bà: Cục trưởng Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Chánh Văn phòng Bộ và Thủ trưởng đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/cáo);
- Các Đ/c Thủ trưởng;
- Lưu: VT, K2ĐT (02).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



Nguyễn Tri Thức

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH MỤC ĐẠT HÀNG NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ Y TẾ
ĐỀ TUYÊN CHỌN THỰC HIỆN TỪ NĂM 2026 THUỘC CHƯƠNG TRÌNH “ỨNG DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TIẾN TIẾN TRONG NGHIÊN CỨU, PHÁT TRIỂN DƯỢC LIỆU, THUỐC CỔ TRUYỀN, SẢN PHẨM CHĂM SÓC SỨC KHỎE TỪ DƯỢC LIỆU NHÀM PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP DƯỢC GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2030”
(Kèm theo Quyết định số: 772 /QĐ-BYT ngày 05/ 3 /2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

TT	Tên đề tài/dự án	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả*	Phương thức tổ chức thực hiện	Ghi chú
1	Nghiên cứu bào chế nhũ tương ứng dụng trong điều trị viêm da cơ địa và loét da mạn tính từ một số tinh dầu của Việt Nam.	- Sàng lọc, lựa chọn thành phần công thức và quy trình bào chế gel/kem nhũ tương ứng dụng trong điều trị viêm da cơ địa và loét da mạn tính từ một số tinh dầu của Việt Nam. - Đánh giá an toàn và hiệu quả của sản phẩm bào chế trong điều trị viêm da cơ địa và loét da mạn tính trên mô hình động vật thực nghiệm. - Đánh giá an toàn và sơ bộ đánh giá hiệu quả của sản phẩm bào chế trong điều trị viêm da cơ địa và loét da mạn tính trên pha 1 theo Thông tư 29/2018/TT-BYT.	- 1.000 lọ nhũ tương ứng dụng trong điều trị viêm da cơ địa và loét da mạn tính từ một số tinh dầu của Việt Nam. Mỗi lọ có trọng lượng 20 gam. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn cơ sở đáp ứng Dược điển Việt Nam V. - Báo cáo kết quả khảo sát lựa chọn thành phần, các tinh dầu và tỉ lệ phối hợp, xác định công thức tiềm năng. - 01 công thức và quy trình bào chế dạng gel/kem nhũ tương, ổn định, đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng cơ sở, có tuổi thọ phù hợp. - Dữ liệu thực nghiệm đánh giá an toàn và hiệu quả tác dụng trên mô hình động vật thực nghiệm đối với bệnh viêm da cơ địa và loét da mạn tính của chế phẩm - Báo cáo đánh giá an toàn và sơ bộ đánh giá hiệu quả của sản phẩm bào chế trong điều trị viêm da cơ	Tuyển chọn	Đề tài

		địa và liệt kê đa mạn tính trên pha 1 theo Thông tư 29/2018/TT-BYT. - 02 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành Việt Nam, thuộc danh mục tính điểm PGS, GS ngành Dược học hoặc Y học cổ truyền. - 01 bài báo đăng khoa học trên tạp chí chuyên ngành Quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus. - Tham gia đào tạo 01 Thạc sĩ hoặc Nghiên cứu sinh.			
2	Nghiên cứu xây dựng hệ thống dữ liệu toàn diện về được liệu và bài thuốc cổ truyền làm nền tảng phát triển dữ liệu điện tử (Big data).	- Hệ thống và thu thập được toàn bộ dữ liệu hiện có về được liệu và bài thuốc cổ truyền với các thông tin về sinh học (đặc điểm nhận biết, phân bố, sinh trưởng, phát triển...); nông học (quy trình nhân giống, quy trình trồng, khai thác, sơ chế/chế biến/chiết xuất), thành phần hóa học; tác dụng sinh học; hoạt chất; yêu cầu chất lượng; nghiên cứu phát triển sản phẩm,... - Nghiên cứu bổ sung được một số dữ liệu cơ bản còn thiếu của các đối tượng nghiên cứu. - Cập nhật được một phần dữ liệu phù hợp lên phần mềm "Cơ sở dữ liệu nguồn gen sinh vật quốc gia" hoặc phần mềm chuyên ngành phù hợp để khai thác và sử dụng. - Đề xuất được giải pháp, cơ chế	- Hệ thống dữ liệu khoa học được thu thập và tổng hợp từ các nguồn dữ liệu tin cậy, chính thống, đảm bảo chất lượng, được phép sử dụng hoặc hợp tác sử dụng, gồm: + Dữ liệu của 5.117 loài cây thuốc và, 408 loài động vật làm thuốc, 75 khoáng vật với các thông tin cơ bản. + Dữ liệu về kết quả điều tra nguồn tài nguyên được liệt kê của 63 tỉnh thành phố; + Dữ liệu về kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực được liệu; + Dữ liệu của 500 bài thuốc cổ truyền theo tính, vị, quy kinh, công năng, chủ trị. + Dữ liệu về đặc điểm nông sinh học và vùng trồng của 200 loài cây thuốc có giá trị kinh tế và có nhu cầu thị trường; + Dữ liệu về thành phần hóa học, tác dụng sinh học, hoạt chất, bảo chế, chế biến của 200 loài cây thuốc có giá trị kinh tế và có nhu cầu thị trường ; + Dữ liệu về nhu cầu nguồn nguyên liệu; chất lượng	Tuyển chọn	Đề tài

		vận hành, khai thác, và sử dụng hệ thống dữ liệu có được để phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe và phát triển kinh tế xã hội.	được liệu/sản phẩm; sản phẩm đang lưu hành trên thị trường; vùng trồng được liệu (quy mô, diện tích, chất lượng); giá cả; các đơn vị trồng, đơn vị kinh doanh... của 200 loài cây thuốc có giá trị kinh tế và có nhu cầu thị trường; + Dữ liệu đồng bộ về hình thái và DNA barcode của 20 nhóm được liệu có giá trị kinh tế để nhằm lẫn (tổng hợp 12 nhóm và nghiên cứu mới 8 nhóm) + Dữ liệu về các tiêu bản và mẫu vật tại Bảo tàng được liệu. - Cập nhật dữ liệu của 5.117 loài cây thuốc và nấm; 408 loài động vật, 75 khoáng vật và dữ liệu chi tiết của 200 loài cây thuốc có giá trị kinh tế lên phần mềm Cơ sở dữ liệu nguồn gen sinh vật quốc gia hoặc phần mềm chuyên ngành phù hợp để khai thác và sử dụng. - Đề xuất giải pháp, cơ chế vận hành, khai thác, và sử dụng hệ thống dữ liệu có được để phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe và phát triển kinh tế xã hội. - 02 bài báo. - Tham gia đào tạo 01 Thạc sỹ	Tuyển chọn	Đề tài
3	Nghiên cứu phát triển thuốc hỗ trợ điều trị ung thư vú từ cao định lượng được liệu Bảy lá một hoa, Bát giác	- Xây dựng được quy trình chiết xuất và bảo chế cao định lượng của Bảy lá một hoa (Paris Rhizoma), Bát giác liên (Dysosma tonkinense Rhizoma), quả Tiêu lốt (Fructus Piperis longi). - Xây dựng được công thức và quy trình bảo chế viên nén bao phim	- Quy trình chiết xuất và bảo chế cao định lượng $\geq 8\%$ (định lượng bằng phương pháp HPLC) tổng 2 hợp chất paris saponin H và gracillin từ thân rễ Bảy lá một hoa quy mô 20 kg/mẻ - Quy trình chiết xuất và bảo chế cao định lượng $\geq 25\%$ tổng hàm lượng piperin và guineesin từ quả Tiêu lốt quy mô 20 kg/mẻ. - Quy trình chiết xuất và bảo chế cao định lượng $\geq$		

	liên và Tiêu lốt	chứa hỗn hợp 3 cao định lượng ở quy mô 10.000 viên/mẻ. - Đánh giá tác dụng kháng ung thư và in vitro, in vivo và độ an toàn (độc tính cấp, độc tính bán trường diễn) của viên nén bao phim.	50% podophyllotoxin từ thân rễ Bất giác liên quy mô 20 kg/mẻ. - Công thức và quy trình bào chế thành phẩm dạng viên nén bao phim chứa hỗn hợp 3 cao định lượng ở quy mô 10.000 viên/mẻ. - Tiêu chuẩn cơ sở của được liệu Bất giác liên. - Tiêu chuẩn cơ sở của cao định lượng chiết xuất từ Bảy lá một hoa, Tiêu lốt, Bất giác liên. - Tiêu chuẩn cơ sở viên nén bao phim. - Hồ sơ nghiên cứu độ ổn định của cao được liệu và thành phẩm. - Hồ sơ nghiên cứu tiền lâm sàng của thành phẩm: các báo cáo đánh giá tác dụng kháng ung thư và in vitro, in vivo và độ an toàn (độc tính cấp và bán trường diễn). - 5 kg cao định lượng của Bảy lá một hoa; 5 kg cao định lượng của Tiêu lốt; 1 kg cao định lượng của Bất giác liên (bao gồm cả cao dùng để triển khai các nghiên cứu có liên quan và bào chế thành phẩm) đạt tiêu chuẩn cơ sở. - 30.000 viên nén bao phim (bao gồm cả thành phẩm dùng để triển khai các nghiên cứu có liên quan). - 01 bài báo quốc tế. - 01 bài báo trong nước tập chí chuyên ngành phù hợp. - Tham gia đào tạo 01 nghiên cứu sinh và 01 thạc sĩ. - Đăng ký 01 giải pháp hữu ích hoặc sáng chế được chấp nhận đơn.		
4	Sản xuất thử nghiệm	- Xây dựng được quy trình kỹ thuật	- Quy trình kỹ thuật sản xuất giống Hy thêm đảm	Tuyển chọn	Dự án

giống và được liệu từ nguồn gen Hy thiêm (<i>Siegesbeckia orientalis</i> L.)	sản xuất giống Hy thiêm. - Xây dựng được mô hình sản xuất giống Hy thiêm với quy mô 1 ha. - Xây dựng được quy trình kỹ thuật sản xuất được liệu Hy thiêm. - Xây dựng được mô hình sản xuất được liệu Hy thiêm với quy mô 10 ha kèm theo hồ sơ đề nghị công nhận vùng trồng theo GACP - WHO được Bộ Y tế tiếp nhận, có sự tham gia phối hợp của doanh nghiệp.	bảo duy trì được chất lượng giống. - Quy trình kỹ thuật sản xuất được liệu Hy thiêm. - Mô hình sản xuất hạt giống Hy thiêm với quy mô 1 ha. - Mô hình sản xuất được liệu Hy thiêm theo GACP với quy mô 10ha, có sự tham gia phối hợp của doanh nghiệp. - TCCS hạt giống và cây giống Hy thiêm. - TCCS của được liệu Hy thiêm sản xuất theo mô hình đã xây dựng. - 100 kg hạt giống và 1.000 cây giống Hy thiêm đạt TCCS. - 20 tấn được liệu Hy thiêm đạt TCCS - 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành. - Tham gia đào tạo 01 Thạc sĩ dùng chuyên ngành.	SXTN
5	Chiết xuất, phân lập và thiết lập chất chuẩn từ được liệu dùng làm chất chuẩn đánh giá chất lượng được liệu và chế phẩm từ được liệu.	- Phân lập được 15 chất tinh khiết hội đủ tiêu chí sử dụng làm chất chuẩn từ các được liệu quan trọng, có tần suất sử dụng cao trong nước, chưa có chất chuẩn hay chất chuẩn không có sẵn trong nước chuẩn phục vụ cho việc đánh giá chất lượng của được liệu, chế phẩm từ được liệu sản xuất và sử dụng trong nước. - Thiết lập hồ sơ chất chuẩn có 15 chất phân lập được để có thể được công nhận và áp dụng vào thực tế.	Tuyển chọn Đề tài

			- 02 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành uy tín. - Tham gia đào tạo 2 học viên cao học.		
6	Sản xuất thử nghiệm diosmin, hesperidin, bảo chế viên nén chứa nano diosmin và hesperidin, xây dựng hồ sơ tiến lâm sàng thuốc điều trị suy giãn tĩnh mạch mãn tính.	- Hoàn thiện được quy trình chiết xuất hesperidin từ vỏ cam, quýt, chanh và ứng dụng sản xuất ở quy mô 20 kg hesperidin/mẻ. - Hoàn thiện quy trình bán tổng hợp diosmin từ hesperidin đã chiết xuất và ứng dụng để tổng hợp 50 kg diosmin đạt độ tinh khiết > 92%. - Xây dựng được công thức và quy trình bảo chế viên nén nano diosmin và hesperidin ở quy mô 10.000 viên/mẻ. - Xây dựng được bộ hồ sơ tiến lâm sàng thuốc điều trị suy giãn tĩnh mạch mãn tính từ sản phẩm nano diosmin và hesperidin.	- Quy trình chiết xuất hesperidin đạt độ tinh khiết > 90% từ vỏ cam, quýt, chanh. - Bảo cáo kết quả ứng dụng quy trình chiết xuất hesperidin từ vỏ cam, quýt, chanh ở quy mô 20 kg hesperidin/mẻ. - Quy trình bán tổng hợp diosmin đạt độ tinh khiết > 92% từ hesperidin đã chiết xuất. - Bảo cáo kết quả ứng dụng quy trình bán tổng hợp diosmin từ hesperidin đã chiết xuất ở quy mô 10 kg diosmin/mẻ. - Tiêu chuẩn cơ sở hesperidin đạt yêu cầu của nguyên liệu làm thuốc. - Tiêu chuẩn cơ sở của diosmin đạt yêu cầu của nguyên liệu làm thuốc. - Bảo cáo độ ổn định của hesperidin, diosmin. - Bảo cáo độ an toàn của hesperidin và diosmin - Công thức và quy trình bảo chế nano diosmin và hesperidin ở quy mô 5 kg/mẻ - Tiêu chuẩn cơ sở của nano diosmin và hesperidin. - Công thức và quy trình bảo chế viên nén chứa nano diosmin và hesperidin ở quy mô 10.000 viên/mẻ. - Tiêu chuẩn cơ sở của viên nén chứa nano diosmin và hesperidin. - Báo cáo kết quả theo dõi độ ổn định và thời gian bảo quản của hỗn hợp nano diosmin và hesperidin. - Báo cáo kết quả về độc tính cấp và độc tính bán trường diễn của hỗn hợp nano diosmin và hesperidin.	Tuyển chọn	Dự án SXTN

			- Báo cáo độ ổn định của viên nén chứa nano hesperidin và diosmin. - Báo cáo đánh giá độ an toàn của viên nén chứa nano hesperidin và diosmin. - Báo cáo tác dụng điều trị suy giãn tĩnh mạch mãn tính của viên nén chứa nano hesperidin và diosmin trên động vật thực nghiệm. - Báo cáo được động học của viên nén chứa nano hesperidin và diosmin. - 100 kg hesperidin có độ tinh khiết > 90% - 50 kg diosmin có độ tinh khiết > 92% - 20 kg nano diosmin và hesperidin - 50.000 viên nang cứng chứa nano diosmin và hesperidin. - 03 bài báo khoa học trên các tạp chí chuyên ngành. - 01 giải pháp hữu ích hoặc phát minh sáng chế - Tham gia đào tạo 01 thực sĩ.	Tuyển chọn	Đề tài
7	Ứng dụng công nghệ tiên tiến để nghiên cứu hiện đại hóa bài thuốc nam “Lộc sâm - NK” và đánh giá tác dụng dược lý của chế phẩm. Ứng dụng được công nghệ tiên tiến để hiện đại hóa của bài thuốc “Lộc sâm - NK” dưới dạng bào chế phù hợp. Đánh giá được độc tính cấp, độc tính bán trường diễn, tác dụng điều biến miễn dịch, tăng cường thể lực của chế phẩm trên động vật thực nghiệm.	- Quy trình chiết xuất cao “Lộc sâm - NK” - Công thức và quy trình bào chế chế phẩm “Lộc sâm - NK”. - TCCS cao bản thành phẩm. - TCCS chế phẩm. - Báo cáo kết quả nghiên cứu độ ổn định của chế phẩm. - Báo cáo kết quả nghiên cứu độc tính cấp, độc tính bán trường diễn của chế phẩm “Lộc sâm - NK”. - Báo cáo tác dụng điều biến miễn dịch, chống oxy hóa của chế phẩm “Lộc sâm - NK”. - Báo cáo tác dụng chống ung thư của chế phẩm “Lộc			

			Sâm – NK”. - Bảo cáo tác dụng tăng cường thể lực của chế phẩm “Lộc sâm – NK”. - 03 kg cao bản thành phẩm. - 1.000 đơn vị chế phẩm “Lộc sâm - NK”. - 02 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành Việt Nam - 01 bài báo đăng khoa học trên tạp chí chuyên ngành Quốc tế - Tham gia đào tạo: 01 Nghiên cứu sinh (được học, Y học cổ truyền)		
--	--	--	---	--	--

Tổng số: 07 Nhiệm vụ (05 đề tài + 02 Dự án SXTN)